

Số: /KH-UBND

Hải An, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn phường Hải An

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc “Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và Chuyển đổi số (CDS) quốc gia; Kế hoạch số 08-KH/ĐU ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS) quốc gia.

Ủy ban nhân dân phường Hải An xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy; Thực hiện Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 08-KH/ĐU, ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Xác định rõ trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, tổ dân phố và cá nhân có liên quan trong việc triển khai, theo dõi, đánh giá thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy; Kế hoạch số 08-KH/ĐU, ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Bảo đảm việc triển

khai các nội dung về phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS được gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số trên địa bàn phường.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất và kịp thời các nhiệm vụ theo chỉ đạo của thành phố đến các bộ phận chuyên môn, tổ dân phố, đoàn thể tại phường. Xây dựng kế hoạch thực hiện với lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn với các tổ dân phố, đoàn thể chính trị - xã hội trong triển khai các nhiệm vụ CDS, khoa học, công nghệ, ĐMST.

- Tập trung thực hiện hiệu quả, phấn đấu vượt mức các chỉ tiêu được giao thông qua việc rà soát, cải tiến quy trình công vụ, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ chế, chính sách ở cấp cơ sở nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công và tham gia phát triển kinh tế số tại địa phương.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực, từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin của phường; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, CDS toàn diện trong hoạt động quản lý điều hành của chính quyền phường, đồng thời hỗ trợ hộ kinh doanh, thanh niên, phụ nữ... tham gia khởi nghiệp, ĐMST và phát triển các mô hình kinh tế số phù hợp. Chủ động phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo hướng dẫn của thành phố.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp được giao theo Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc “Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và Chuyển đổi số (CDS) quốc gia; Kế hoạch số 08-KH/ĐU, ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể khác:

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn phường về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

1.1. Tổ chức triển khai, quán triệt sâu sắc các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường

vụ Thành ủy; Kế hoạch số 08-KH/ĐU ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng uỷ phường tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của phường; đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS tại địa phương.

1.2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, lợi ích của khoa học - công nghệ, ĐMST và CDS thông qua hệ thống truyền thanh phường, Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, pa-nô, áp phích, bảng tin tổ dân phố và các hình thức phù hợp khác nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn phường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

1.3. Rà soát, xây dựng và lồng ghép các tiêu chí đánh giá, xếp loại công chức, cán bộ phường trong công tác cuối năm, trong đó đưa nội dung thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS là một tiêu chí quan trọng. Đồng thời, đưa nội dung CDS vào sinh hoạt định kỳ của các chi bộ trực thuộc và coi đây là cơ sở để đánh giá trách nhiệm, năng lực chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các bộ phận chuyên môn.

1.4. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về khoa học - công nghệ, ĐMST và CDS phù hợp với cán bộ cơ sở và các nhóm đối tượng đặc thù như thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi; đa dạng hóa hình thức truyền thông như tờ gấp, video ngắn, infographic, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử nhằm nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư, tạo sự đồng thuận và khí thế tích cực trong triển khai nhiệm vụ CDS tại địa phương.

1.5. Tham gia các lớp “học tập số”, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, đoàn thể và Nhân dân trên địa bàn phường; đồng thời phát động các phong trào thi đua ĐMST trong công tác chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cải tiến phương thức hoạt động. Qua đó, khơi dậy tinh thần tự học, sáng tạo, tự chủ, tự lực, phát huy trí tuệ tập thể nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học - công nghệ, ĐMST và CDS tại địa phương.

1.6. Cử cán bộ chuyên môn tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phần mềm quản lý và nền tảng số do thành phố hoặc các sở, ngành tổ chức; tích cực cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý ở cấp phường.

1.7. Phát động phong trào thi đua CDS đến toàn thể cán bộ, công chức, đoàn thể; khuyến khích mỗi bộ phận, cá nhân có ít nhất một sáng kiến, giải pháp ứng dụng công nghệ trong công việc hàng năm.

1.8. Tham gia xây dựng và phổ biến bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số đối với cán bộ, công chức, đoàn thể phường; chú trọng nâng cao ý thức sử dụng mạng xã hội, đảm bảo kỷ luật, văn minh, chuẩn mực trong phát ngôn và tương tác trực tuyến.

1.9. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, định hướng sử dụng mạng xã hội tích cực cho thanh thiếu niên; xây dựng nền tảng nhân lực chất lượng cao ngay từ cấp cơ sở.

2. Triển khai đầy đủ, kịp thời cơ chế thực hiện tại địa phương, tháo gỡ rào cản trong triển khai CDS, khoa học - công nghệ và ĐMST; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS

2.1. Rà soát, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý nội bộ của hệ thống chính trị phường; xây dựng các giải pháp đẩy mạnh CDS, ứng dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, nền tảng điều hành theo hướng đồng bộ, thống nhất với hệ thống thành phố. Đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành của phường thông suốt, hiệu quả, thích ứng nhanh với yêu cầu sau sắp xếp đơn vị hành chính.

2.2. Chủ động rà soát các quy trình, thủ tục hành chính và quy định nội bộ có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS trong phạm vi quản lý của phường; kiến nghị điều chỉnh, đơn giản hóa, cắt giảm những thủ tục không còn phù hợp, gây cản trở hoặc làm chậm quá trình triển khai nhiệm vụ, nhằm tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức và cán bộ thực thi.

Triển khai phương án trong nội bộ phường để khuyến khích việc ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng sáng kiến cải tiến trong điều hành, phục vụ nhân dân. Đồng thời, nghiên cứu, đề xuất xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo, gắn với đặc điểm địa phương và phù hợp định hướng phát triển của thành phố. Tận dụng hiệu quả nền tảng CDS để từng bước hình thành hệ sinh thái sáng tạo tại phường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2.3. Chủ động phối hợp với các sở, ngành thành phố trong công tác rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS; kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn địa phương để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ tại cơ sở. Đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở, nhằm hỗ trợ triển khai hiệu quả các mô hình CDS cấp phường. Tập trung vào các nội dung: nâng cao năng lực cán bộ, đầu tư hạ tầng số thiết yếu, số hóa quy trình thủ tục, áp dụng công nghệ vào cung cấp dịch vụ công, quản lý đô thị và thúc đẩy kinh tế số địa phương.

2.4. Triển khai chương trình phối hợp giữa phường với doanh nghiệp và các tổ chức trên địa bàn nhằm đưa ứng dụng công nghệ, kết quả nghiên cứu, sáng kiến ĐMST vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ cộng đồng. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng và dịch vụ số tại địa phương, tập trung vào nâng cấp hạ tầng CNTT cơ bản, mở rộng dịch vụ số phục vụ người dân, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đảm bảo đồng bộ với hệ thống thành phố.

2.5. Rà soát, giới thiệu và tạo điều kiện để lực lượng trẻ có năng lực, đam mê công nghệ tham gia các lớp đào tạo kỹ năng số, khởi nghiệp, ĐMST do thành phố tổ chức.

2.6. Lựa chọn và triển khai thí điểm một số mô hình ứng dụng công nghệ, ĐMST phù hợp với đặc điểm dân cư, hạ tầng và hoạt động của phường (ví dụ: tổ dân phố không giấy tờ, tổ dân phố số, mô hình “tổ dân phố thông minh”...).

2.7. Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển CDS phường giai đoạn 2026 - 2030.

2.8. Phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố trong việc triển khai các chương trình, chiến lược phát triển hạ tầng số, kinh tế số, công nghiệp công nghệ cao; đồng thời tuyên truyền, lan tỏa chủ trương đến cán bộ, đảng viên và người dân tại địa phương. Triển khai Chiến lược CDS và phát triển kinh tế số theo hướng dẫn của Thành phố. Tập trung vào các lĩnh vực như dịch vụ, du lịch, thương mại, hành chính công và quản lý đô thị; từng bước hình thành mô hình kinh tế số quy mô nhỏ phù hợp với điều kiện thực tiễn của phường.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS

3.1. Cân đối ngân sách của địa phương dành cho hoạt động khoa học công nghệ, ĐMST và CDS, phấn đấu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm.

3.2. Tăng cường xã hội hoá, vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn hỗ trợ trang thiết bị, kết nối mạng hoặc hợp tác triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ phục vụ nhân dân, nhất là tại các tổ dân phố, tổ công nghệ số cộng đồng.

3.3. Rà soát, đánh giá thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại phường; nâng cấp trang thiết bị, đường truyền mạng nội bộ, hệ thống máy tính, máy in, thiết bị số hóa... phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu CDS và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ.

3.4. Đề xuất Cục chứng thực số và bảo mật thông tin Ban Cơ yếu chính phủ hoàn thiện cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của địa phương.

3.5. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.

3.6. Nghiên cứu đề xuất thành phố các dự án đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST, CDS trong giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo trên địa bàn. Đề xuất nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và thúc đẩy CDS, phát triển hệ sinh thái ĐMST tại các cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực số.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS

4.1. Triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải Phòng.

4.2. Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người dân trên địa bàn thông qua mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng. Nội dung tập trung vào: sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kỹ năng bảo mật thông tin, thanh toán không dùng tiền mặt, định danh điện tử.

4.3. Vận động sự tham gia hỗ trợ, đồng hành của các đơn vị công nghệ thông tin, doanh nghiệp, giáo viên tin học để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân, đặc biệt là người cao tuổi, tiểu thương, hộ sản xuất nhỏ.

4.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và kỹ năng số cho nhân dân thông qua các hình thức đa dạng như hệ thống phát thanh phường, nền tảng số, mạng xã hội và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; từng bước nâng cao nhận thức, hình thành thói quen sử dụng công nghệ trong đời sống, sản xuất và tiếp cận dịch vụ công.

4.5 Tuyên truyền, vận động, giới thiệu lực lượng trẻ có năng lực, đam mê công nghệ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp, CDS do thành phố tổ chức.

5. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng khoa học, công nghệ, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

5.1 Phối hợp với Sở, ngành của thành phố rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, biểu mẫu, báo cáo, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của UBND phường trên môi trường mạng nội bộ, gắn với phần mềm dùng chung của thành phố, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện hiệu quả, thông suốt trên môi trường mạng.

5.2. Triển khai ứng dụng công nghệ số trong xử lý công việc nội bộ, quản lý hành chính công, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; hướng tới giảm giao dịch trực tiếp, tăng sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

5.3 Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp hệ thống thiết bị CNTT tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị phường; đảm bảo vận hành thông suốt, an toàn mạng, bảo mật dữ liệu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước.

5.4. Đẩy mạnh tuyên truyền về chính quyền số thông qua các kênh: phát thanh phường, mạng xã hội, website, Zalo, Facebook và tổ công nghệ số cộng đồng; nâng cao hiểu biết và kỹ năng số cho cán bộ, nhân dân.

5.5. Phối hợp vận động các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ trang thiết bị, phần mềm, giải pháp công nghệ phục vụ hoạt động công vụ, giám sát môi trường, quảng bá du lịch địa phương.

5.6. Ứng dụng nền tảng số để thống kê dân cư, quản lý tổ dân phố, cập nhật dữ liệu phản ánh hiện trường, giám sát an ninh, trật tự...

5.7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa, thể thao, du lịch: triển khai các hoạt động số hóa di tích, danh lam thắng cảnh, phát triển du lịch thông minh trên địa bàn phường Hải An;

5.8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn Sở Công thương.

5.9. Triển khai trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân.

5.10. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

5.11. Tăng cường Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; xây dựng nền tảng học tập số, số hóa trường học.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp

6.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng CNTT, CDS, thương mại điện tử và ĐMST trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.2. Phối hợp với các sở, ngành và đơn vị chuyên môn tổ chức tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng các nền tảng số như: hóa đơn điện tử, thanh toán không tiền mặt, sàn thương mại điện tử, định danh điện tử trong giao dịch trực tuyến.

6.3. Khuyến khích các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ, thủy sản, lưu trú... ứng dụng công nghệ trong quảng bá, đặt dịch vụ trực tuyến, phản hồi khách hàng, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tiếp cận thị trường rộng hơn.

6.4. Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, ĐMST do thành phố tổ chức. Tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận thông tin, thủ tục hành chính, đăng ký dịch vụ công trực tuyến.

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

7.1. Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xây dựng các chương trình phối hợp về tuyên truyền, tập huấn kỹ năng số, giới thiệu giải pháp công nghệ phù hợp với người dân, tổ dân phố và hộ kinh doanh. Huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia hỗ trợ triển khai mô hình CDS cộng đồng, ứng dụng công nghệ trong dịch vụ công, quản lý dân cư, xử lý phản ánh hiện trường và quảng bá du lịch.

7.2. Tìm kiếm, thiết lập kênh kết nối, trao đổi kinh nghiệm với các phường, xã khác trong thành phố để chia sẻ mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác CDS, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

8. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/5/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XIV về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về CDS thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy; Kế hoạch số 110/KH-UBND thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Ủy ban nhân dân phường phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo Kế hoạch này (*Phụ lục kèm theo*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan chuyên môn, tổ dân phố và các đơn vị có liên quan trên địa bàn phường Hải An chủ động xây dựng nội dung thực hiện cụ thể, đảm bảo thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội phường: là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu giúp UBND phường triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các đơn vị

liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND phường và đề xuất UBND thành phố (*thông qua Sở Khoa học và Công nghệ*) theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các bộ phận chuyên môn, cơ quan, đơn vị, tổ dân phố kịp thời tổng hợp, báo cáo bằng văn bản về Phòng Văn hóa - Xã hội phường để tổng hợp, tham mưu UBND phường xem xét, xử lý hoặc kiến nghị cấp trên theo thẩm quyền.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân phường sẽ điều chỉnh bổ sung Kế hoạch (nếu có) để phù hợp với tình hình thực tế.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của UBND phường, đề nghị các đơn vị, cá nhân liên quan triển khai thực hiện và hoàn thành kế hoạch./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Sở KHCN (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy phường (để b/c);
- Thường trực HĐND phường;
- Các đ/c UVBTV Đảng ủy phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Ủy ban MTTQ phường;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc phường;
- Trung tâm PVHCC, TT Sự nghiệp công;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn;
- Các tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, VHXH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Huy Hiếu

PHỤ LỤC 1:
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT 71/NQ-CP
Đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Trung tâm PV Hành chính công
2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Trung tâm PV Hành chính công
3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm PV Hành chính công
4	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm PV Hành chính công
5	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm PV Hành chính công
6	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng HĐND &UBND phường
7	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND &UBND phường
8	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND &UBND phường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
II	Hạ tầng số			
1	Chi ngân sách hàng năm cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia	% tổng chi NSNN	Phấn đấu đạt 3%	Phòng Kinh tế, Hạ tầng, Đô thị
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội
3	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Phòng Văn hóa -Xã hội
5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Phòng Văn hóa -Xã hội
III	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
1	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	%	100	Phòng Văn hóa -Xã hội
2	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	%	85%	Phòng Văn hóa -Xã hội

PHỤ LỤC 2:
CÁC CHỈ TIÊU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 05 NĂM

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
I	Phát triển hạ tầng							
1.	Tỷ lệ phủ sóng 5G trong khu đô thị trên địa bàn	$\geq 60\%$	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
2.	Tỷ lệ phủ sóng 5G tại khu khu du lịch trên địa bàn	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
3.	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps	$\geq 60\%$	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
4.	Tỷ lệ phủ sóng 6G tại khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không trên địa bàn phường	-	-	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
5.	Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn phường	-	-	50%	80%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
II	Phát triển nguồn lực							
6.	Tỉ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách phường	Phấn đấu ít nhất 3%	Phấn đấu ít nhất 3%	Đạt 3%	Đạt trên 3%	Đạt trên 3,5%	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	Số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
7.	Tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	80%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
8.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
9.	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	100%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
10.	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...	-	-	-	80-90%	≥90%	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
11.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên	≥ 75%	≥ 95%	100%	100%	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
12.	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	≥70%	≥90%	≥95%	100%	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
13.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai ký số trên hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.	≥90%	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
14.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ,	≥ 80%	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
	Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học							
15.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT - BGDDT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
16.	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục	-	$\geq 95\%$	-	100%	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
17.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.	-	$\geq 85\%$	$\geq 97\%$	100%	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
18.	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người, duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	-	$> 0,7$	-	-	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
III	Phát triển khoa học, công nghệ						Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
19.	Tốc độ đổi mới công nghệ trung bình	-	20-22%	-	-	-	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
IV	Phát triển Chuyển đổi số							
20.	Chỉ số chuyển đổi số phường	$\geq 0,77$	$\geq 0,8$	$\geq 0,85$	$\geq 0,92$	Đạt 1,0	Phòng Văn hóa -Xã hội	Số liệu báo cáo
21.	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Trung tâm PV hành chính công	Số liệu báo cáo
22.	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm PV hành chính công	Số liệu báo cáo
23.	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Trung tâm PV hành chính công	Số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
24.	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%	Trung tâm PV hành chính công	Số liệu báo cáo
25.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm PV hành chính công	Số liệu báo cáo
26.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$	$\geq 100\%$	100%	100%	Trung tâm PV hành chính công	Số liệu báo cáo
27.	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	10%	20%	30%	40%	Công an phường	Số liệu báo cáo
28.	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	70%	85%	95%	100%	100%	Công an phường	Số liệu báo cáo
29.	Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	$\geq 60\%$	90%	100%	100%	100%	Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng HĐND và UBND phường	Số liệu báo cáo
30.	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	$\geq 30\%$	60%	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị	Số liệu báo cáo
31.	Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP (bổ sung mới)	30%	35%	45-50%	50-55%	60%	Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị	Số liệu báo cáo

PHỤ LỤC 3:
PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CHUNG CỦA PHƯỜNG THEO NHIỆM VỤ TẠI
NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP

Stt	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐỘT PHÁ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY, XÁC ĐỊNH QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TẠO XUNG LỰC MỚI, KHÍ THỂ MỚI TRONG TOÀN XÃ HỘI VỀ PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA					
1	Nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.	Cụ thể hóa nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	6	UBND phường, các cơ quan chuyên môn	Kế hoạch công tác	Thường xuyên
2	Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp.	Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhà nước.	9	Đảng ủy, UBND phường, các cơ quan chuyên môn	Tỷ lệ cụ thể từng năm	Thường xuyên

Stt	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
II	KHẨN TRƯỞNG QUYẾT LIỆT HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, XÓA BỎ MỌI TƯ TƯỞNG, QUAN NIỆM, RÀO CẢN ĐANG CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN, ĐƯA THỂ CHẾ THÀNH MỘT LỢI THẾ CẠNH TRANH TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS					
1	Phối hợp với Sở ngành thành phố sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật... đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	48	UBND phường, các cơ quan chuyên môn, trung tâm PV HCC	Hoàn thành số hóa	Tháng 9/2025
2		Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh	49	UBND phường, các cơ quan chuyên môn, trung tâm PV HCC	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Tháng 12/2025

Stt	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
		nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố				

PHỤ LỤC: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn phường về phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1	Công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Sự nghiệp công	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Bản tin, clip, phóng sự	Hàng năm
2	Rà soát, tham mưu UBND phường về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, trong đó, quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ về phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại thành phố. Nghiên cứu đề xuất ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Quy tắc/ quy chế	Hàng năm
3	Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển KHCN và ĐMST, thực hiện CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Xây dựng tài liệu tuyên truyền về khoa học - công nghệ, ĐMST, CDS dưới	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Sự nghiệp công	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Kế hoạch, Tài liệu tuyên truyền	Hàng năm

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	dạng dễ tiếp cận (video, infographic...) và đa dạng các hình thức tuyên truyền (mạng xã hội, website...)”				
4	Tham gia các lớp "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức KHCN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm
5	Tham gia các lớp học tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (A.I) trong công tác quản lý nhà nước cho các cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm
6	Xây dựng quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Quy tắc	Tháng 12/2025
7	Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, học viên, sinh viên trên môi trường mạng góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			phường, các trường học		
	Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
	Phối hợp với sở ngành thành phố trong việc chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường		Báo cáo	Hàng năm
	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND phường	Báo cáo/Kế hoạch/Số liệu	Theo thời gian tại các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch đã phê duyệt